TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **170**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Yến Nhi.

Bà Lê Tuyết Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Nguyễn Út X, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2011 chị M và anh X được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nhưng hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc không tìm được). Thời kỳ chung sống giữa chị M và anh X có 01

con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh 25/01/2013 (Cháu H hiện nay đang được anh X nuôi dạy).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do anh X thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn không lo gia đình, chị M đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được, thậm chí anh X còn chửi mắng và hâm doạ đánh chị M, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh X. Đồng ý giao con chung cho anh X nuôi, nhưng phải cho thăm nom con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn Nguyễn Út X: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng anh X đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn:* Chị M xác định giữa chị và anh X có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, nhưng tại xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 12/3/2018 xác định chị M và anh X không có đăng ký kết hôn và chị M

cũng không có tài liệu gì khác để chứng minh. Do đó, xác định chị M và anh X tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị M và anh X không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị M và anh X là vợ chồng là phù hợp.

[5] *Xét về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy chị M thể hiện ý chí tự nguyện giao con chung cho anh X nuôi dạy đến tuổi trưởng thành và cháu H hiện nay được anh X nuôi dưỡng, nên cần giao con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh 25/01/2013 cho anh X nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản chị M thực hiện quyền này và chị M phải tôn trọng quyền của con chung được sống với anh X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 695.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy người trực tiếp nuôi con là anh X, và chị M là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy theo hướng dẫn tại khoản 2, mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng, do đó chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 695.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Chị M cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh X, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị M và anh X. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí:* Chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị M đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều, 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận Trần Thị M với Nguyễn Út X là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho anh X trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Nhựt H, sinh 25/01/2013 đến tuổi trưởng thành. Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản chị M thực hiện quyền này và chị M phải tôn trọng quyền của con chung được sống với anh X.

Chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhựt H, sinh 25/01/2013 với số tiền 695.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng kể từ ngày 31/7/2018.

Kể từ ngày anh X có đơn yêu cầu thi hành án mà chị M chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì hàng tháng chị M còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Chị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, chị M đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007912 ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Chị M phải nộp tiếp án phí với số tiền là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- UBND xã K;
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung